

Phụ lục IV

**THỰC TRẠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC TRONG CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ NĂM 2025
(TRƯỚC KHI SẮP XẾP)**

(Đính kèm Tờ trình số:

/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Số TT	Tên ĐVHC	Loại đơn vị hành chính	Bố trí biên chế cán bộ, công chức cấp xã năm 2025	Biên chế có mặt tính đến tháng 6/2025	Biên chế được giao nhưng chưa sử dụng đến tháng 6/2025	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG CỘNG		5,957	5,301	656	
A	Thành phố Cần Thơ		1,767	1,657	110	
I	Quận Ninh Kiều		182	208	-26	
1	Phường An Bình	I	23	22	1	
2	Phường An Hòa	I	23	22	1	
3	Phường An Khánh	I	23	22	1	
4	Phường Cái Khế	I	23	22	1	
5	Phường Hưng Lợi	I	23	22	1	
6	Phường Thới Bình	I	23	56	-33	
7	Phường Xuân Khánh	I	23	22	1	
8	Phường Tân An	II	21	20	1	
II	Quận Bình Thủy		184	169	15	
1	Phường An Thới	I	23	21	2	
2	Phường Bình Thủy	I	23	22	1	
3	Phường Bùi Hữu Nghĩa	I	23	22	1	
4	Phường Long Hòa	I	23	22	1	
5	Phường Long Tuyền	I	23	21	2	
6	Phường Thới An Đông	I	23	21	2	
7	Phường Trà An	I	23	18	5	
8	Phường Trà Nóc	I	23	22	1	
III	Quận Cái Răng		159	142	17	
1	Phường Hưng Phú	I	23	21	2	
2	Phường Hưng Thạnh	I	23	20	3	
3	Phường Lê Bình	I	23	20	3	
4	Phường Phú Thứ	I	23	21	2	
5	Phường Tân Phú	I	23	22	1	
6	Phường Thường Thạnh	I	23	19	4	
7	Phường Ba Láng	II	21	19	2	
IV	Quận Ô Môn		159	146	13	
1	Phường Châu Văn Liêm	I	23	21	2	
2	Phường Long Hưng	I	23	22	1	
3	Phường Phước Thới	I	23	20	3	
4	Phường Thới An	I	23	21	2	
5	Phường Thới Long	I	23	21	2	
6	Phường Trường Lạc	I	23	21	2	
7	Phường Thới Hòa	II	21	20	1	
V	Quận Thốt Nốt		207	191	16	

1	Phường Tân Hưng	I	23	21	2	
2	Phường Tân Lộc	I	23	21	2	
3	Phường Thạnh Hòa	I	23	22	1	
4	Phường Thốt Nốt	I	23	22	1	
5	Phường Thới Thuận	I	23	21	2	
6	Phường Thuận An	I	23	20	3	
7	Phường Thuận Hưng	I	23	22	1	
8	Phường Trung Kiên	I	23	21	2	
9	Phường Trung Nhứt	I	23	21	2	
VI	Huyện Cờ Đỏ		210	193	17	
1	Thị trấn Cờ Đỏ	I	22	20	2	
2	Xã Thạnh Phú	I	22	20	2	
3	Xã Thới Thới Hưng	I	22	21	1	
4	Xã Trung Hưng	I	22	21	1	
5	Xã Trung Thạnh	I	22	21	1	
6	Xã Đông Hiệp	II	20	19	1	
7	Xã Đông Thắng	II	20	17	3	
8	Xã Thới Đông	II	20	17	3	
9	Xã Thới Xuân	II	20	19	1	
10	Xã Trung An	II	20	18	2	
VII	Huyện Phong Điền		152	141	11	
1	Thị trấn Phong Điền	I	22	20	2	
2	Xã Giai Xuân	I	22	19	3	
3	Xã Trường Long	I	22	21	1	
4	Xã Nhơn Ai	I	22	21	1	
5	Xã Nhơn Nghĩa	I	22	21	1	
6	Xã Tân Thới	I	22	20	2	
7	Xã Mỹ Khánh	II	20	19	1	
VIII	Huyện Thới Lai		278	248	30	
1	Thị trấn Thới Lai	I	22	21	1	
2	Xã Định Môn	I	22	19	3	
3	Xã Đông Bình	I	22	18	4	
4	Xã Đông Thuận	I	22	19	3	
5	Xã Tân Thạnh	I	22	19	3	
6	Xã Thới Thạnh	I	22	20	2	
7	Xã Trường Thành	I	22	20	2	
8	Xã Trường Thắng	I	22	20	2	
9	Xã Trường Xuân	I	22	20	2	
10	Xã Thới Tân	II	20	17	3	
11	Xã Trường Xuân A	II	20	19	1	
12	Xã Trường Xuân B	II	20	19	1	
13	Xã Xuân Thắng	II	20	17	3	
IX	Huyện Vĩnh Thạnh		236	219	17	
1	Thị trấn Thạnh An	I	22	21	1	
2	Xã Thạnh An	I	22	20	2	
3	Xã Thạnh Lộc	I	22	20	2	
4	Xã Thạnh Lợi	I	22	19	3	
5	Xã Thạnh Mỹ	I	20	19	1	
6	Xã Thạnh Quới	I	22	20	2	
7	Xã Thạnh Thắng	I	22	21	1	
8	Xã Thạnh Tiến	I	22	20	2	

9	Xã Vĩnh Trinh	I	22	21	1	
10	Xã Vĩnh Bình	II	20	19	1	
11	Thị trấn Vĩnh Thạnh	II	20	19	1	
B	Tỉnh Sóc Trăng		2,556	2,182	374	
I	Huyện Cù Lao Dung	8	173	164	9	
1	Xã An Thạnh 1	I	22	21	1	
2	Xã An Thạnh 2	I	22	22	0	
3	Xã An Thạnh 3	I	23	22	1	
4	Xã An Thạnh Đông	I	22	21	1	
5	Xã An Thạnh Tây	II	20	19	1	
6	Xã An Thạnh Nam	I	22	20	2	
7	Xã Xã Đại Ân 1	I	22	20	2	
8	Thị trấn Cù Lao Dung	II	20	19	1	
II	Huyện Châu Thành	8	186	165	21	
1	Xã Phú Tâm	I	24	21	3	
2	Xã Phú Tân	I	24	22	2	
3	Xã An Ninh	I	24	21	3	
4	Xã An Hiệp	I	24	21	3	
5	Xã Thuận Hoà	I	22	17	5	
6	Xã Thiện Mỹ	I	23	21	2	
7	Xã Hồ Đắc Kiện	I	24	21	3	
8	Thị trấn Châu Thành	II	21	21	0	
III	Huyện Kế Sách	13	302	264	38	
1	Xã An Mỹ	I	24	21	3	
2	Xã Kế Thành	I	23	19	4	
3	Xã Kế An	I	20	18	2	
4	Xã Đại Hải	I	25	19	6	
5	Xã Nhơn Mỹ	I	24	22	2	
6	Xã An Lạc Tây	I	23	22	1	
7	Xã Thới An Hội	I	24	20	4	
8	Xã Trinh Phú	I	23	21	2	
9	Xã Ba Trinh	I	24	21	3	
10	Xã Phong Năm	II	20	18	2	
11	Xã Xuân Hòa	I	25	22	3	
12	TT Kế Sách	I	24	20	4	
13	TT An Lạc Thôn	I	23	21	2	
IV	Huyện Long Phú	11	243	202	41	
1	Xã Song Phụng	II	20	17	3	
2	Xã Hậu Thạnh	II	20	18	2	
3	Xã Trường Khánh	I	24	19	5	
4	Xã Tân Thạnh	I	23	19	4	
5	Xã Tân Hưng	I	24	19	5	
6	Xã Châu Khánh	II	20	18	2	
7	Xã Phú Hữu	II	20	18	2	
8	Xã Long Đức	I	23	18	5	
9	Xã Long Phú	I	24	19	5	
10	Thị trấn Long Phú	I	24	20	4	
11	Thị trấn Đại Ngãi	II	21	17	4	
V	Huyện Mỹ Xuyên	11	262	224	38	
1	Tham Đôn	I	25	20	5	
2	Đại Tâm	I	24	20	4	

3	Thanh Phú	I	27	20	7	
4	Thanh Quới	I	27	20	7	
5	Gia Hòa 1	I	22	19	3	
6	Gia Hòa 2	I	22	21	1	
7	Hòa Tú 1	I	22	21	1	
8	Hòa Tú 2	I	23	21	2	
9	Ngọc Tổ	I	22	21	1	
10	Ngọc Đông	I	23	20	3	
11	Thị trấn Mỹ Xuyên	I	25	21	4	
VI	Huyện Mỹ Tú	9	212	183	29	
1	Xã Long Hưng	I	24	20	4	
2	Xã Hưng Phú	I	23	21	2	
3	Xã Mỹ Hương	I	23	20	3	
4	Xã Mỹ Tú	I	23	20	3	
5	Xã Mỹ Phước	I	26	20	6	
6	Xã Thuận Hưng	I	26	21	5	
7	Xã Mỹ Thuận	I	23	22	1	
8	Xã Phú Mỹ	I	23	20	3	
9	Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	II	21	19	2	
VII	Huyện Thạnh Trị	10	222	206	16	
1	Xã Vĩnh Thành	I	21	18	3	
2	Xã Vĩnh Lợi	I	21	18	3	
3	Xã Châu Hưng	I	22	20	2	
4	Xã Thạnh Trị	I	23	22	1	
5	Xã Thạnh Tân	I	23	22	1	
6	Xã Tuân Tức	I	22	21	1	
7	Xã Lâm Tân	I	22	21	1	
8	Xã Lâm Kiết	I	22	21	1	
9	Thị trấn Phú Lộc	I	23	22	1	
10	Thị trấn Hưng Lợi	I	23	21	2	
VIII	Huyện Trần Đề	11	257	211	46	
1	Xã Trung Bình	I	24	19	5	
2	Xã Lịch Hội Thượng	I	22	17	5	
3	Xã Viên Bình	I	23	19	4	
4	Xã Đại Ân 2	I	23	20	3	
5	Xã Thạnh Thới Thuận	I	23	20	3	
6	Xã Tài Văn	I	24	21	3	
7	Xã Liêu Tú	I	24	20	4	
8	Xã Thạnh Thới An	I	23	18	5	
9	Xã Viên An	I	23	18	5	
10	Thị trấn Lịch Hội Thượng	I	24	20	4	
11	Thị trấn Trần Đề	I	24	19	5	
IX	Thị xã Ngã Năm	8	186	170	16	
1	Xã Vĩnh Quới	I	23	22	1	
2	Xã Long Bình	I	23	21	2	
3	Xã Tân Long	I	23	22	1	
4	Xã Mỹ Bình	II	21	20	1	
5	Xã Mỹ Quới	I	23	21	2	
6	Phường 1	I	24	21	3	
7	Phường 2	I	27	22	5	
8	Phường 3	II	22	21	1	

X	Thành phố Sóc Trăng	9	231	191	40	
1	Phường 1	I	26	25	1	
2	Phường 2	I	26	22	4	
3	Phường 3	I	26	22	4	
4	Phường 4	I	26	21	5	
5	Phường 5	I	26	21	5	
6	Phường 6	I	26	21	5	
7	Phường 7	I	26	21	5	
8	Phường 8	I	26	19	7	
9	Phường 10	II	23	19	4	
XI	Thị xã Vĩnh Châu	10	282	202	80	
1	Xã Hòa Đông	I	23	20	3	
2	Xã Lạc Hòa	I	24	19	5	
3	Xã Vĩnh Hải	I	27	21	6	
4	Xã Vĩnh Tân	I	25	19	6	
5	Xã Lai Hòa	I	27	19	8	
6	Xã Vĩnh Hiệp	I	22	19	3	
7	Phường 1	I	29	21	8	
8	Phường 2	I	35	21	14	
9	Phường Khánh Hòa	I	33	20	13	
10	Phường Vĩnh Phước	I	37	23	14	
C	Tỉnh Hậu Giang		1,634	1,462	172	
I	Thành phố Vị Thanh		194	183	11	
1	Phường I	II	21	21	0	
2	Phường III	I	23	23	0	
3	Phường IV	I	23	22	1	
4	Phường V	II	21	20	1	
5	Phường VII	II	21	20	1	
6	Xã Tân Tiến	II	21	18	3	
7	Xã Vị Tân	I	22	21	1	
8	Xã Hòa Lự	II	21	18	3	
9	Xã Hòa Tiến	II	21	20	1	
II	Thành phố Ngã Bảy		130	120	10	
1	Phường Ngã Bảy	II	21	19	2	
2	Phường Lái Hiếu	II	21	20	1	
3	Phường Hiệp Thành	I	24	21	3	
4	Phường Hiệp Lợi	II	22	20	2	
5	Xã Đại Thành	I	22	21	1	
6	Xã Tân Thành	II	20	19	1	
III	Thị xã Long Mỹ		193	163	30	
1	Phường Thuận An	I	23	20	3	
2	Xã Long Trị A	I	22	19	3	
3	Xã Long Phú	I	22	20	2	
4	Phường Bình Thạnh	II	22	19	3	
5	Phường Vĩnh Tường	II	22	17	5	
6	Phường Trà Lồng	II	22	17	5	
7	Xã Long Trị	II	21	18	3	
8	Xã Tân Phú	II	21	18	3	
9	Xã Long Bình	III	18	15	3	
IV	Huyện Long Mỹ		176	158	18	
1	Thị trấn Vĩnh Viễn	I	23	20	3	

2	Xã Xà Phiên	I	23	20	3	
3	Xã Thuận Hưng	I	22	19	3	
4	Xã Thuận Hòa	I	22	19	3	
5	Xã Vĩnh Thuận Đông	I	22	22	0	
6	Xã Lương Tâm	I	22	20	2	
7	Xã Lương Nghĩa	I	22	20	2	
8	Xã Vĩnh Viễn A	II	20	18	2	
V	Huyện Phụng Hiệp		334	289	45	
1	Thị trấn Búng Tàu	II	20	18	2	
2	Thị trấn Cây Dương	II	20	18	2	
3	Thị trấn Kinh Cù	II	20	18	2	
4	Xã Bình Thành	I	22	20	2	
5	Xã Hiệp Hưng	I	23	19	4	
6	Xã Hòa An	I	23	19	4	
7	Xã Hòa Mỹ	I	24	21	3	
8	Xã Long Thạnh	I	23	19	4	
9	Xã Phụng Hiệp	I	22	19	3	
10	Xã Phương Bình	I	23	20	3	
11	Xã Phương Phú	I	22	20	2	
12	Xã Tân Bình	I	24	21	3	
13	Xã Tân Long	II	21	18	3	
14	Xã Tân Phước Hưng	I	23	19	4	
15	Xã Thạnh Hòa	I	24	20	4	
VI	Châu Thành		173	154	19	
1	Thị trấn Ngã Sáu	I	22	18	4	
2	Thị trấn Mái Dầm	I	22	17	5	
3	Xã Đông Phước	I	22	19	3	
4	Xã Đông Phước A	I	22	21	1	
5	Xã Đông Thạnh	I	23	21	2	
6	Xã Đông Phú	I	22	19	3	
7	Xã Phú Hữu	II	20	20	0	
8	Xã Phú Tân	II	20	19	1	
VII	Huyện Châu Thành A		219	199	20	
1	Thị trấn Cái Tắc	I	22	20	2	
2	Xã Tân Phú Thạnh	I	22	22	0	
3	Xã Thạnh Xuân	I	22	20	2	
4	Thị trấn Rạch Gòi	I	22	20	2	
5	Xã Trường Long A	I	22	19	3	
6	Xã Trường Long Tây	I	23	20	3	
7	Thị trấn Một Ngàn	II	20	18	2	
8	Thị trấn Bảy Ngàn	I	22	20	2	
9	Xã Nhơn Nghĩa A	I	22	20	2	
10	Xã Tân Hòa	I	22	20	2	
VIII	Huyện Vị Thủy		215	196	19	
1	Xã Vị Bình	II	20	19	1	
2	Xã Vị Thanh	I	22	21	1	
3	Xã Vị Đông	I	23	20	3	
4	Xã Vị Trung	I	22	19	3	
5	Xã Vị Thắng	I	22	21	1	
6	Xã Vị Thủy	I	22	18	4	
7	Xã Vĩnh Tường	I	22	21	1	

8	Xã Vĩnh Trung	I	22	21	1	
9	Xã Vĩnh Thuận Tây	II	20	18	2	
10	Thị trấn Nàng Mau	II	20	18	2	